

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Dự án: Nâng cấp, mở rộng QL.14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh Bình Phước)

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
I	Xây lắp	1.151.324.895.000						
1	Xây dựng đoạn từ Km970+600-Km974+600. Ký hiệu XL01	120.987.837.000	Vốn ngân sách tỉnh	Đấu thầu rộng rãi trong nước (lựa chọn nhà thầu qua mạng)	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Quý IV/2022, Quý I/2023	Theo đơn giá điều chỉnh	600 ngày
2	Xây dựng cầu Nha Bích. Ký hiệu XL02	234.015.344.000		Đấu thầu rộng rãi trong nước (lựa chọn nhà thầu qua mạng)	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Quý IV/2022, Quý I/2023	Theo đơn giá điều chỉnh	700 ngày
3	Xây dựng đoạn từ Km974+600-Km978+600. Ký hiệu XL03	120.806.927.000		Đấu thầu rộng rãi trong nước (lựa chọn nhà thầu qua mạng)	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Quý IV/2022, Quý I/2023	Theo đơn giá điều chỉnh	600 ngày

4	Xây dựng đoạn từ Km978+600 - Km982+600. Ký hiệu XL04	112.609.408.000	Vốn ngân sách tỉnh	Đấu thầu rộng rãi trong nước (lựa chọn nhà thầu qua mạng)	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Quý IV/2022, Quý I/2023	Theo đơn giá điều chỉnh	600 ngày
5	Xây dựng đoạn từ Km982+600 - Km986+600. Ký hiệu XL05	111.925.339.000		Đấu thầu rộng rãi trong nước (lựa chọn nhà thầu qua mạng)	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Quý IV/2022, Quý I/2023	Theo đơn giá điều chỉnh	600 ngày
6	Xây dựng đoạn từ Km986+600 - Km990+600. Ký hiệu XL06	112.128.864.000		Đấu thầu rộng rãi trong nước (lựa chọn nhà thầu qua mạng)	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Quý IV/2022, Quý I/2023	Theo đơn giá điều chỉnh	600 ngày
7	Xây dựng đoạn từ Km990+600 - Km994+800. Ký hiệu XL07	120.733.596.000		Đấu thầu rộng rãi trong nước (lựa chọn nhà thầu qua mạng)	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Quý IV/2022, Quý I/2023	Theo đơn giá điều chỉnh	600 ngày
8	Xây dựng hệ thống chiếu sáng và điện cấp nguồn. Ký hiệu XL08	77.811.821.000		Đấu thầu rộng rãi trong nước (lựa chọn nhà thầu qua mạng)	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Quý IV/2022, Quý I/2023	Theo đơn giá điều chỉnh	450 ngày
9	Xây dựng 05 cầu nhỏ trên tuyến. Ký hiệu XL09	140.305.759.000		Đấu thầu rộng rãi trong nước (lựa chọn nhà thầu qua mạng)	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Quý IV/2022, Quý I/2023	Theo đơn giá điều chỉnh	700 ngày

II	Cung cấp dịch vụ tư vấn	23.609.636.000						
10	Lập nhiệm vụ khảo sát và giám sát công tác khảo sát Lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán	135.429.000	Vốn ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu	Rút gọn	Quý III/2022	Trộn gói	05 ngày cho công việc lập nhiệm vụ và 20 cho công việc giám sát
11	Khảo sát, Lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán	11.435.482.000		Đấu thầu rộng rãi trong nước (lựa chọn nhà thầu qua mạng)	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Quý III, IV/2022	Trộn gói	30 ngày
12	Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình	948.000.000		Đấu thầu rộng rãi trong nước (lựa chọn nhà thầu qua mạng)	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Quý III, IV/2022	Trộn gói	20 ngày
13	Lập nhiệm vụ và giám sát đo vẽ bản đồ địa chính, cắm cọc GPMB	108.954.000		Chỉ định thầu	Rút gọn	Quý III, IV/2022	Trộn gói	05 ngày cho công việc lập nhiệm vụ và 60 ngày giám sát đo vẽ bản đồ địa chính, cắm cọc GPMB
14	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	250.000.000		Chỉ định thầu	Rút gọn	Quý III, IV/2022	Trộn gói	60 ngày

15	Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu các gói thầu thuộc dự án	412.579.000	Vốn ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu	Rút gọn	Quý III, IV/2022	Trộn gói	40 ngày cho mỗi gói thầu (20 ngày cho mỗi nội dung công việc)
16	Thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án	116.293.000		Chỉ định thầu	Rút gọn	Quý III, IV/2022	Trộn gói	40 ngày cho mỗi gói thầu (20 ngày cho mỗi nội dung công việc)
17	Giám sát thi công xây dựng gói thầu XL01	879.061.000		Đấu thầu rộng rãi trong nước (lựa chọn nhà thầu qua mạng)	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Quý IV/2022, Quý I/2023	Trộn gói	600 ngày
18	Giám sát thi công xây dựng gói thầu XL02	1.700.285.000		Đấu thầu rộng rãi trong nước (lựa chọn nhà thầu qua mạng)	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Quý IV/2022, Quý I/2023	Trộn gói	700 ngày
19	Giám sát thi công xây dựng gói thầu XL03	877.746.000		Đấu thầu rộng rãi trong nước (lựa chọn nhà thầu qua mạng)	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Quý IV/2022, Quý I/2023	Trộn gói	600 ngày

20	Giám sát thi công xây dựng gói thầu XL04	818.186.000	Vốn ngân sách tỉnh	Đấu thầu rộng rãi trong nước (lựa chọn nhà thầu qua mạng)	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Quý IV/2022, Quý I/2023	Trộn gói	600 ngày
21	Giám sát thi công xây dựng gói thầu XL05	813.215.000		Đấu thầu rộng rãi trong nước (lựa chọn nhà thầu qua mạng)	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Quý IV/2022, Quý I/2023	Trộn gói	600 ngày
22	Giám sát thi công xây dựng gói thầu XL06	814.694.000		Đấu thầu rộng rãi trong nước (lựa chọn nhà thầu qua mạng)	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Quý IV/2022, Quý I/2023	Trộn gói	600 ngày
23	Giám sát thi công xây dựng gói thầu XL07	877.214.000		Đấu thầu rộng rãi trong nước (lựa chọn nhà thầu qua mạng)	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Quý IV/2022, Quý I/2023	Trộn gói	600 ngày
24	Giám sát thi công xây dựng gói thầu XL08	565.357.000		Đấu thầu rộng rãi trong nước (lựa chọn nhà thầu qua mạng)	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Quý IV/2022, Quý I/2023	Trộn gói	450 ngày
25	Giám sát thi công xây dựng gói thầu XL09	1.019.419.000		Đấu thầu rộng rãi trong nước (lựa chọn nhà thầu qua mạng)	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Quý IV/2022, Quý I/2023	Trộn gói	700 ngày
26	Kiểm toán độc lập	1.837.722.000		Đấu thầu rộng rãi trong nước (lựa chọn nhà thầu qua mạng)	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Quý III, IV/2023	Trộn gói	30 ngày

III	Cung cấp dịch vụ phi tư vấn	5.959.328.000						
27	Đo vẽ bản đồ địa chính và cắm cọc GPMB	1.552.640.000	Vốn ngân sách tỉnh	Đấu thầu rộng rãi trong nước (lựa chọn nhà thầu qua mạng)	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Quý IV/2022	Trộn gói	60 ngày
28	Rà phá bom mìn, vật nổ	1.528.380.000		Chỉ định thầu	Thực hiện theo quy định Luật Đấu thầu và Bộ Quốc phòng	Quý IV/2022	Trộn gói	45 ngày
29	Bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng gói thầu XL01	302.469.000		Đấu thầu rộng rãi trong nước (lựa chọn nhà thầu qua mạng)	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Quý IV/2022, Quý I/2023	Trộn gói	600 ngày
30	Bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng gói thầu XL02	585.038.000		Đấu thầu rộng rãi trong nước (lựa chọn nhà thầu qua mạng)	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Quý IV/2022, Quý I/2023	Trộn gói	700 ngày
31	Bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng gói thầu XL03	302.017.000		Đấu thầu rộng rãi trong nước (lựa chọn nhà thầu qua mạng)	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Quý IV/2022, Quý I/2023	Trộn gói	600 ngày
32	Bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng gói thầu XL04	281.523.000		Đấu thầu rộng rãi trong nước (lựa chọn nhà thầu qua mạng)	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Quý IV/2022, Quý I/2023	Trộn gói	600 ngày

33	Bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng gói thầu XL05	279.813.000	Vốn ngân sách tỉnh	Đấu thầu rộng rãi trong nước (lựa chọn nhà thầu qua mạng)	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Quý IV/2022, Quý I/2023	Trộn gói	600 ngày
34	Bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng gói thầu XL06	280.322.000		Đấu thầu rộng rãi trong nước (lựa chọn nhà thầu qua mạng)	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Quý IV/2022, Quý I/2023	Trộn gói	600 ngày
35	Bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng gói thầu XL07	301.833.000		Đấu thầu rộng rãi trong nước (lựa chọn nhà thầu qua mạng)	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Quý IV/2022, Quý I/2023	Trộn gói	600 ngày
36	Bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng gói thầu XL08	194.529.000		Đấu thầu rộng rãi trong nước (lựa chọn nhà thầu qua mạng)	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Quý IV/2022, Quý I/2023	Trộn gói	450 ngày
37	Bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng gói thầu XL09	350.764.000		Đấu thầu rộng rãi trong nước (lựa chọn nhà thầu qua mạng)	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Quý IV/2022, Quý I/2023	Trộn gói	700 ngày
Tổng giá trị các gói thầu		1.180.893.859.000						

Ghi chú:

(1) Giá trị các gói thầu của kế hoạch lựa chọn nhà thầu, tương ứng với chi phí phê duyệt trong tổng mức đầu tư. Giá trị dự toán gói thầu được phê duyệt là giá gói thầu làm cơ sở xét thầu, ký kết hợp đồng. Tổng chi phí dự toán các gói thầu và chi phí các hạng mục dự án không vượt tổng mức đầu tư được phê duyệt.

(2) Chủ đầu tư chỉ thực hiện khối lượng xây dựng theo kế hoạch vốn bố trí nhằm chống nợ đọng trong đầu tư xây dựng.

(3) Đối với gói thầu khi phê duyệt dự toán gói thầu làm thay đổi hình thức lựa chọn nhà thầu, phương thức lựa chọn nhà thầu thì chủ đầu tư phải trình điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho phù hợp với pháp luật về đấu thầu.

(4) Giá gói thầu xác định trên cơ sở các chi phí trong dự án được phê duyệt, giá gói thầu được cập nhật trong thời hạn 28 ngày trước ngày mở thầu nếu cần thiết.